

ĐẶNG THÀNH HƯNG – PHẠM VĂN CƯỜNG

MODULE THPT

5

**MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP
CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Môi trường học tập được hiểu là tất cả những yếu tố tự nhiên, xã hội, con người ở xung quanh người học ảnh hưởng đến hoạt động học tập của người học. Tìm hiểu sự tác động của môi trường đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người đã được các nhà tâm lý học, giáo dục học nghiên cứu từ lâu. Các kết quả này đã cho thấy tính chất quan trọng của môi trường đến sự phát triển tâm lý, nhân cách của con người. Trong thời gian qua, nhiệm vụ chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và phát triển môi trường giáo dục lành mạnh đã trở thành chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Điều này đã được cụ thể hoá trong Luật Giáo dục để mọi cá nhân và tổ chức thực hiện. Xây dựng và tạo lập được môi trường giáo dục, môi trường học tập lành mạnh sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục.

Module này sẽ làm rõ về các loại môi trường học tập và ảnh hưởng của nó đến hoạt động học tập của học sinh THPT.

Module gồm các nội dung sau:

- Các loại môi trường học tập.
- Ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động học tập của học sinh THPT.



B. MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC

- Cung cấp cho người học những tri thức về môi trường học tập, các loại môi trường học tập.
- Giới thiệu về một số loại môi trường học tập cụ thể.
- Tìm hiểu sự ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của học sinh THPT.

2. KĨ NĂNG

- Phân loại được các dạng môi trường học tập.
- Đánh giá được ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của học sinh.

3. THÁI ĐỘ

- Biểu hiện tình cảm và sự say mê với hoạt động học tập.
- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ mà giáo viên phân công.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

CÁC LOẠI MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH THPT

Hoạt động 1: Nhận dạng các loại môi trường học tập

NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm.

Các nhóm nghiên cứu thông tin của hoạt động 1 về môi trường học tập để tiến hành thảo luận về: khái niệm môi trường học tập, phân loại môi trường học tập; lấy ví dụ cụ thể về các loại môi trường học tập.

Nhiệm vụ 2: Đại diện các nhóm trình bày trước tập thể lớp về nội dung trên.

Nhiệm vụ 3: Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Khái niệm về môi trường, môi trường học tập

1.1. Khái niệm môi trường

- Theo *Từ điển Văn hoá giáo dục Việt Nam* (GS. Vũ Ngọc Khánh biên soạn, NXB Văn hoá – Thông tin, 2001), khái niệm môi trường được hiểu là toàn bộ những nhân tố bao quanh con người hay sinh vật và tác động lên cuộc sống của nó. Quá trình hình thành nhân cách và phát triển nhân cách chỉ có thể thực hiện trong một môi trường nhất định. Môi trường tạo nên động cơ, mục đích, cung cấp phương tiện cho hoạt động và giao lưu cá nhân. Song ảnh hưởng của môi trường còn tùy thuộc vào thái độ của cá nhân (chấp nhận, tiếp thu hay phản đối) và tùy thuộc vào xu hướng và năng lực.
- Theo *Từ điển Tiếng Việt trực tuyến*, (Viện Ngôn ngữ học): “Môi trường là tập hợp tất cả các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh con người, ảnh hưởng tới con người và tác động đến các hoạt động sống của con người như: không khí, nước, độ ẩm, sinh vật, xã hội loài người và các thể chế”. (<http://vi.wikipedia.org/wiki>).

1.2. Khái niệm môi trường học tập

Môi trường học tập được dùng để chỉ nơi mà hoạt động học tập diễn ra. Tức là, môi trường học tập là cái bên ngoài, là điều kiện cho việc tiến hành các thao tác, hành động học tập. Môi trường học tập cần phải được hiểu như là một bộ phận mang nội dung giáo dục. Hàng loạt những kinh nghiệm về các lĩnh vực khác nhau có liên quan đến dạy và học xảy ra trong môi trường học tập của học sinh và sẽ có tác động nhiều hay ít đến các em theo con đường tự phát hoặc tự giác. Như vậy, môi trường học tập của học sinh không chỉ đơn thuần là cơ sở, điều kiện để học sinh hoạt động, chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà nó còn là thành phần mang những hệ thống các giá trị và hệ thống các chuẩn mực giáo dục.

Các giá trị giáo dục bao gồm các yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội về kinh tế, văn hoá, pháp luật, phát triển cá nhân... Hình thành những giá trị này sẽ tạo dựng niềm tin và những kì vọng đối với giáo dục.

Hệ thống các chuẩn mực giáo dục bao gồm tập hợp các quy tắc, thao tác, kĩ thuật đã được chi phối, điều tiết các hoạt động của cá nhân và tổ chức khi thực hiện các hoạt động giáo dục.

Có nhiều cách hiểu về môi trường học tập khác nhau, để có một cách hiểu thống nhất, chúng tôi chọn khái niệm môi trường học tập của PGS.TS. Phạm Hồng Quang, trong cuốn *Môi trường giáo dục làm khái niệm công cụ*. Trên cơ sở đó, môi trường học tập được định nghĩa như sau:

Môi trường học tập là tập hợp những yếu tố về không gian, nhân lực, tài lực, vật lực tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc học tập đạt kết quả tốt.

2. Các loại môi trường học tập

Có nhiều cách phân loại môi trường học tập, tùy thuộc vào từng tiêu chí phân loại của các tác giả, sau đây là một số cách phân loại phổ biến hiện nay:

- Trong phạm vi trường học, có thể chia môi trường thành môi trường dạy học, môi trường học tập, môi trường khoa học.

- Theo tài liệu *Curriculum Development – A Guide to Practice* (TS. Nguyễn Kim Dung dịch, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2004) đã quan niệm môi trường học tập gồm:
 - + Môi trường học tập theo truyền thống: Nhà trường là môi trường đơn độc, tĩnh lặng và trật tự. Bầu không khí này là kết quả của áp lực theo định nghĩa hẹp của nền giáo dục chính quy, của vào giới hạn cho một số người và theo phong cách giáo huấn, mô phạm (nói, nghe) đối với việc học tập. Không gian lớp học được sắp xếp để cho tất cả sự chú ý đều tập trung vào người thầy. Các hoạt động trùng khớp với cách sắp xếp của đồ đạc.
 - + Môi trường học tập hiện đại: Có cơ cấu tổ chức hoàn toàn trái ngược với phong cách truyền thống. Chúng được mở rộng hơn, ồn ào hơn và đôi khi như những trung tâm của các hoạt động. Các trường học như thế thường là kết quả của cả hai sự thay đổi: định nghĩa trường học và cách hiểu môi về điều kiện môi trường để củng cố việc học. Ở môi trường này, sự sắp xếp lớp học tạo ra những khoảng không gian nhiều mục đích, tạo ra sự di chuyển có thể có trong sự kiểm soát của giáo viên. Các chuyển động trong lớp học theo tình huống, phụ thuộc vào hoạt động. Không gian lớp học được phát triển theo cơ cấu phức tạp, nhiều mục đích linh hoạt. Bàn ghế lớp học cùng kiểu nhưng cân đối, được sắp xếp cho mỗi hoạt động. Sự di chuyển của học sinh tùy thuộc tình huống, được tự do di chuyển trong giới hạn.
- Tiếp cận từ phương diện lí luận dạy học, thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập, các kiểu môi trường học tập đều phải bao quát mục tiêu, nội dung, hoạt động, phương tiện và nguồn lực. Có thể kể đến các kiểu môi trường học tập sau đây:
 - + Môi trường học tập truyền thống: Giờ lên lớp là môi trường truyền thống và quen thuộc, trong đó có nhóm, tổ, môi trường thực hành... cách bố trí bàn ghế, bảng, máy tính theo các sơ đồ khác nhau.
 - + Môi trường dã ngoại là những môi trường bên ngoài lớp học, công ti, nhà máy, địa điểm tham quan...
 - + Môi trường trò chơi là môi trường mang tính chất tự do được tổ chức mọi nơi như trong lớp, ngoài lớp, ở nhà.

- + Môi trường thực tiễn là môi trường công việc thực sự như lao động, cơ sở vật chất...

Thiết kế môi trường học tập là tổ chức một môi trường gồm tất cả những yếu tố mục tiêu học tập, nội dung, hoạt động, phương tiện... thành một hệ thống các tình huống vật chất mà người dạy và người học trực tiếp tác động đến và qua đó tác động với nhau.

- Tiếp cận theo địa bàn học tập thì môi trường học tập bao gồm:

- + Môi trường học tập ở trường: Giáo dục nhà trường là hoạt động giáo dục trong các trường, lớp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo mục đích, nội dung, phương pháp có chọn lọc trên cơ sở khoa học và thực tiễn nhất định. Giáo dục nhà trường được tiến hành có tổ chức, luôn tác động trực tiếp có hệ thống đến sự hình thành và phát triển toàn diện của nhân cách. Thông qua giáo dục nhà trường, mỗi cá nhân được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức khoa học, kĩ năng thực hành cần thiết, tương ứng với yêu cầu của các bậc học, cấp học phù hợp với trình độ phát triển của xã hội trong từng giai đoạn.

- + Môi trường gia đình: Gia đình được xem là tế bào của xã hội, là nền tảng của sự phát triển xã hội. Văn hoá gia đình là một bộ phận hợp thành của nền giáo dục Việt Nam. Đó là hệ thống các giá trị, chuẩn mực đặc thù có chức năng kiểm soát, điều hành hành vi và các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và giữa gia đình với xã hội.

- + Môi trường xã hội: Là một hệ thống các quan hệ hiện hữu giữa con người với con người và giữa con người với thế giới đồ vật do con người sáng tạo ra. Môi trường xã hội không phải là không gian tĩnh, các cá nhân và đồ vật tồn tại độc lập mà là hệ thống gồm hai mối quan hệ có tính phổ biến: quan hệ giữa các chủ thể trong cộng đồng và quan hệ giữa các chủ thể với thế giới đồ vật do con người sáng tạo ra. Môi trường xã hội bao gồm nhiều tổ chức xã hội, cơ quan đoàn thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến học sinh như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, hội phụ huynh...

- Tiếp cận theo góc độ công nghệ thông tin, phân chia thành:

- + Môi trường học tập không gian thực tế: Môi trường học tập không có sự ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập.

- + Môi trường học tập E – Learning (Electronics Learning): Đây là thuật ngữ để chỉ mô hình học tập mới với sự trợ giúp của máy tính, nhưng về sau ý nghĩa của nó cao hơn bởi tính tích cực nhận thức có hiệu quả (effective). Mô hình học tập E – Learning đã tạo cơ hội học tập cho mọi người, học suốt đời, tạo ra sự bình đẳng về giáo dục cho mọi người. Học tập thông qua máy tính và mạng internet có ưu điểm là tạo môi trường tương tác để học sinh làm quen với điều kiện mới, tác phong mới và thói quen học tập mới. Từ môi trường học tập mới này sẽ tạo ra phong cách văn hoá mới trong xã hội hiện đại với những yêu cầu rất khoa học, thực tiễn và hiệu quả, có thể gọi là “văn hoá thời @”. Ưu điểm lớn nhất của học tập với mạng máy tính và internet là tạo môi trường tương tác để học sinh làm quen với điều kiện làm việc mới, sử dụng website làm công cụ hỗ trợ hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh, để kiểm tra kiến thức học sinh, để quản lý, để phổ biến kiến thức cho mọi người...

Môi trường dạy học điện tử là môi trường mới, rất khác môi trường không gian thực tế đang diễn ra. Quản lý môi trường này cũng đòi hỏi phải có tri thức toàn diện, có niềm tin và năng lực kiểm soát. Mặc dầu phạm vi không gian rất rộng và thông tin từ nhiều hướng nhưng tính chất *định hướng giáo dục* phải là một yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ phát triển môi trường dạy học tích cực. Nếu thiếu vai trò định hướng của giáo dục thì tác động tiêu cực của môi trường này sẽ là rất lớn và rất khó khắc phục hậu quả. Môi trường điện tử có định hướng dạy học xuất phát từ quan điểm: Thông tin phải qua khâu xử lý sư phạm (chuyển hoá thông qua lý luận dạy học) mới trở thành tri thức dạy học. Trước đây, khâu xử lý rất chậm, song hiện nay, thông tin do giáo viên xử lý đưa vào dạy học nhanh hơn, nhưng điều đáng quan tâm hơn là đòi hỏi người học phải xử lý thông tin nhanh hơn nữa. Người học phải có năng lực nhận ra vấn đề một cách độc lập, thậm chí cũng không cần thiết phải thông qua tất cả mọi thông tin ở các cấp quản lý chuyên môn. Tuy nhiên, thông tin đến với người học cần với liều lượng vừa phải để tránh tình trạng nhiễu tin, thiếu chọn lọc... *Định hướng thông tin* là vấn đề cốt lõi và là yêu cầu quan trọng của dạy học điện tử trong môi trường tri thức rộng lớn.

- Nếu xét ở mức độ phạm vi, có thể hiểu cấu trúc hệ thống khái niệm môi trường theo các cấp độ có chứa đựng lẫn nhau như sau: môi trường học tập;

môi trường dạy học; môi trường giáo dục; môi trường văn hoá giáo dục; môi trường tự nhiên, xã hội đất nước; môi trường quốc tế.

- Theo GS. Đàm Trung Đồn thì có ít nhất 5 môi trường học tập: học trên đường phố, học trên phương tiện thông tin đại chúng, học bằng phát huy sở thích cá nhân, học qua giáo dục phổ cập và sau cùng mới là học bằng hệ thống giáo dục chính thống – môi trường tiêu biểu cho trí thức của quốc gia. Theo đó, con người càng trưởng thành thì khả năng chiếm lĩnh môi trường càng cao. Nhìn chung, trong môi trường văn hoá, môi trường giáo dục thì yếu tố hoạt động chủ động và tích cực của con người là yếu tố quyết định.
- Theo TS. Vũ Thị Sơn, môi trường học tập của học sinh bao gồm môi trường vật chất và môi trường xã hội:

- + Môi trường vật chất bao gồm tổng thể các yếu tố vật chất – nơi mà hoạt động dạy học diễn ra như: cấu trúc không gian, sự sắp xếp, bố trí các đồ dùng, trang thiết bị, phương tiện, tài liệu phục vụ dạy học và nơi làm việc của giáo viên, học sinh trong phòng học hay có thể gọi chung là môi trường lớp học. Những đặc điểm về ánh sáng, tiếng ồn, mức độ rộng hẹp của nơi làm việc, các khoảng không gian trong phòng... Tính tiện dụng, khoa học và hấp dẫn của các trang thiết bị và học liệu, môi trường học tập tác động đến tâm lý học tập của các thành viên trong đó.

Môi trường lớp học phải đáp ứng được những yêu cầu hàng ngày của giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy và học. Môi trường lớp học bao gồm cả phần tĩnh và phần động. Phần tĩnh (hay phần ổn định tương đối) tạo nên không khí của một lớp học nói chung và tạo nên sắc thái riêng của một lớp học cụ thể. Phần tĩnh trong không gian lớp học có đặc điểm và ý nghĩa riêng đối với học sinh ở các lứa tuổi khác nhau. Môi trường lớp học thường tác động đến học sinh nhỏ mạnh hơn so với học sinh lớn. Trong khi đó, tính tiện dụng của môi trường vật chất được học sinh lớn coi trọng hơn học sinh nhỏ. Phần động (hay phần thay đổi của môi trường lớp học) chiếm một phần đáng kể trong cấu trúc chung của lớp học, vì cần phải đáp ứng các yêu cầu khác nhau của các môn học và các hoạt động khác nhau trong lớp. Phương tiện, đồ dùng dạy học và cách sắp xếp, bố trí trang thiết bị, chỗ ngồi của giáo viên, học sinh hay sự đi lại, di chuyển của mọi thành viên trong quá trình hoạt động sẽ rất khác nhau với những hoạt động khác nhau. Điều đó có nghĩa là môi trường vật

chất của lớp học này khác với lớp học kia, ở mỗi thời điểm khác nhau là khác nhau.

- + Môi trường xã hội của lớp học là những mối quan hệ, những tương tác xảy ra giữa các chủ thể hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Môi trường xã hội tạo nên bầu không khí tâm lý trong tập thể lớp và tạo điều kiện hỗ trợ cho các tương tác giữa người học với nhiệm vụ học tập. Môi trường xã hội trong lớp học bao gồm những mối quan hệ tương hỗ giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với các bạn cùng học và những người khác như: cha mẹ học sinh, các cán bộ chuyên môn, các nhà khoa học... tham gia vào quá trình dạy học. Tương tác giữa người dạy với người học và tương tác qua lại giữa người học với nhau là hai thành phần chủ yếu trong môi trường xã hội của lớp học. Trong hai thành phần đó, tương tác giữa giáo viên với học sinh được xem là tâm điểm của quá trình giáo dục. Giáo viên tác động đến học sinh thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập. Học sinh tương tác với các nhiệm vụ học tập để lĩnh hội những tri thức, kinh nghiệm, những giá trị giáo dục, xác định và tác động trở lại giáo viên thông qua quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Tương tác qua lại giữa học sinh với học sinh là một bộ phận quan trọng trong môi trường xã hội của lớp học. Tương tác này được gọi là tương tác đồng đẳng (bạn học) giữa các học sinh trong quá trình dạy học.
- Các cách phân loại trên tuy có khác nhau nhưng đều thống nhất trong bốn thành tố cơ bản sau:
 - + Môi trường cơ sở vật chất là môi trường bao gồm những điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động học tập của giáo viên và học sinh. Nó bao gồm các yếu tố như: đồ dùng, phương tiện dạy học, bàn ghế, bảng, sách vở, nhiệt độ, ánh sáng, âm thanh, cảnh quan trường học, lớp học...
 - + Môi trường tâm lý là môi trường bao gồm những yếu tố tâm lý của giáo viên và học sinh tác động đến hoạt động học tập. Những yếu tố này gồm: bầu không khí tâm lý trong môi trường học tập, dư luận tập thể, mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh... Các yếu tố tâm lý như: động cơ, nhu cầu, hứng thú, tính tích cực học tập của học sinh; phong cách, phương pháp giảng dạy của giáo viên trong môi trường nhóm lớp.

- + Môi trường trí tuệ là môi trường bao gồm những điều kiện về khả năng, năng lực trí tuệ của giáo viên và học sinh phục vụ cho hoạt động học tập. Nó bao gồm các yếu tố như: năng lực trình độ của người học; năng lực, trình độ của giáo viên, khả năng về chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên...
- + Môi trường xã hội là môi trường bao gồm những yếu tố xã hội ở ngoài nhà trường ảnh hưởng đến hoạt động học tập. Môi trường này bao gồm những yếu tố như: vị thế xã hội của giáo viên, học sinh; sự phân hoá vùng miền, dân tộc, giàu nghèo... của các thành viên trong môi trường nhóm lớp...

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Xác định các môi trường học tập qua việc xem trình chiếu clip, tranh ảnh về các loại môi trường học tập của người hướng dẫn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về môi trường học tập E – Learning

NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ 1: Tổ chức đọc tài liệu và nghiên cứu thông tin về hoạt động 2.

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm.

Các nhóm, thảo luận, ghi lại các ưu điểm, nhược điểm của môi trường học tập E – Learning ra giấy sau khi đã thống nhất ý kiến.

Nhiệm vụ 3: Đại diện các nhóm lên bảng trình bày các kết quả thảo luận của nhóm mình.

Nhiệm vụ 4: Các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá, bổ sung... phần trình bày thảo luận của các nhóm đã lên bảng.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

“Công nghệ thông tin cũng sẽ làm thay đổi rất lớn việc học của chúng ta. Những người công nhân sẽ có khả năng cập nhật các kĩ thuật trong lĩnh vực của mình. Mọi người ở bất cứ nơi đâu sẽ có khả năng tham gia các khoá học tốt nhất được dạy bởi các giáo viên giỏi nhất.” (The Road Ahead, Bill Gates). Nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn kinh tế tri thức. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục, đào tạo sẽ là nhân tố sống còn quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia,

công ti, gia đình và cá nhân. Hơn nữa, việc học tập không chỉ bó gọn trong việc học phổ thông, học đại học mà là học suốt đời. E – Learning chính là một giải pháp hữu hiệu giải quyết vấn đề này.

E – Learning là một thuật ngữ thu hút được sự quan tâm, chú ý của rất nhiều người hiện nay. Tuy nhiên, mỗi người hiểu theo một cách khác nhau và dùng trong các ngữ cảnh khác nhau. Do đó, chúng ta sẽ tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của E – Learning. Điều này sẽ đặc biệt có ích cho những người mới tham gia tìm hiểu lĩnh vực này.

1. Khái niệm E – Learning

E – Learning (viết tắt của Electronic Learning) là thuật ngữ mới. Hiện nay, theo các quan điểm và dưới các hình thức khác nhau có rất nhiều cách hiểu về E – Learning. Hiểu theo nghĩa rộng, E – Learning là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là công nghệ thông tin.

Theo quan điểm hiện đại, E – Learning là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công cụ điện tử hiện đại như máy tính, mạng vệ tinh, mạng internet, intranet.. trong đó nội dung học có thể thu được từ các website, đĩa CD, băng video, audio... thông qua một máy tính hay tivi; người dạy và người học có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: e-mail, thảo luận trực tuyến (chat), diễn đàn (forum), hội thảo video...

Có hai hình thức giao tiếp giữa người dạy và người học:

- Giao tiếp đồng bộ (Synchronous) và giao tiếp không đồng bộ (Asynchronous). Giao tiếp đồng bộ là hình thức giao tiếp trong đó có nhiều người truy cập mạng tại cùng một thời và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau như: thảo luận trực tuyến, hội thảo video, nghe đài phát sóng trực tiếp, xem tivi phát sóng trực tiếp...
- Giao tiếp không đồng bộ là hình thức mà những người giao tiếp không nhất thiết phải truy cập mạng tại cùng một thời điểm. Ví dụ, các khoá tự học qua internet, CD-ROM, e-mail, diễn đàn. Đặc trưng của kiểu học này là giảng viên phải chuẩn bị tài liệu khoá học trước khi khoá học diễn ra. Học viên được tự do chọn lựa thời gian tham gia khoá học.

2. Một số hình thức E – Learning

Có một số hình thức đào tạo bằng E– Learning, cụ thể như sau:

- *Đào tạo dựa trên công nghệ* (TBT – Technology-Based Training) là hình thức đào tạo có sự áp dụng công nghệ, đặc biệt là dựa trên công nghệ thông tin.
- *Đào tạo dựa trên máy tính* (CBT – Computer-Based Training). Hiểu theo nghĩa rộng, thuật ngữ này nói đến bất kì một hình thức đào tạo nào có sử dụng máy tính. Nhưng thông thường thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa hẹp để nói đến các ứng dụng (phần mềm) đào tạo trên các đĩa CD-ROM hoặc cài trên các máy tính độc lập, không nối mạng, không có giao tiếp với thế giới bên ngoài. Thuật ngữ này được hiểu đồng nhất với thuật ngữ CD-ROM Based Training.
- *Đào tạo dựa trên web* (WBT – Web-Based Training) là hình thức đào tạo sử dụng công nghệ web. Nội dung học, các thông tin quản lý khoá học, thông tin về người học được lưu trữ trên máy chủ và người dùng có thể dễ dàng truy nhập thông qua trình duyệt web. Người học có thể giao tiếp với nhau và với giáo viên, sử dụng các chức năng trao đổi trực tiếp, diễn đàn, e-mail... thậm chí có thể nghe được giọng nói và nhìn thấy hình ảnh của người giao tiếp với mình.
- *Đào tạo trực tuyến* (Online Learning/Training) là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc học: lấy tài liệu học, giao tiếp giữa người học với nhau và với giáo viên...
- *Đào tạo từ xa* (Distance Learning) là hình thức đào tạo trong đó người dạy và người học không ở cùng một chỗ, thậm chí không cùng một thời điểm. Ví dụ như việc đào tạo sử dụng công nghệ hội thảo cầu truyền hình hoặc công nghệ web.

3. Tình hình phát triển và ứng dụng E – Learning trên thế giới

E – Learning phát triển không đồng đều tại các khu vực trên thế giới. E – Learning phát triển mạnh nhất ở khu vực Bắc Mỹ. Ở châu Âu, E– Learning cũng rất có triển vọng, trong khi đó châu Á lại là khu vực ứng dụng công nghệ này ít hơn. Tại Mỹ, dạy và học điện tử đã nhận được sự ủng hộ và các chính sách trợ giúp của Chính phủ ngay từ cuối những

năm của thế kỉ XX. E – Learning không chỉ được triển khai ở các trường đại học mà ngay ở các công ti việc xây dựng và triển khai E – Learning cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Có nhiều công ti thực hiện việc triển khai E – Learning thay cho phương thức đào tạo truyền thống và mang lại hiệu quả cao. Do thị trường rộng lớn và sức thu hút mạnh mẽ của E – Learning nên hàng loạt công ti đã chuyển sang hướng nghiên cứu và xây dựng các giải pháp về E – Learning như: Click2Learn, Global Learning Systems, Smart Force...

Trong những năm gần đây, châu Âu đã có một thái độ tích cực đối với việc phát triển công nghệ thông tin cũng như ứng dụng nó trong mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội, đặc biệt là ứng dụng trong hệ thống giáo dục. Các nước trong cộng đồng châu Âu đều nhận thức được tiềm năng to lớn mà công nghệ thông tin mang lại trong việc mở rộng phạm vi, làm phong phú thêm nội dung và nâng cao chất lượng của nền giáo dục.

Tại châu Á, E – Learning vẫn đang ở trong tình trạng sơ khai, chưa có nhiều thành công vì một số lí do như: các quy tắc, luật lệ bảo thủ; tệ quan liêu; sự ưa chuộng đào tạo truyền thống của văn hoá châu Á, vấn đề ngôn ngữ không đồng nhất; cơ sở hạ tầng nghèo nàn và nền kinh tế lạc hậu ở một số quốc gia châu Á. Tuy vậy, đó chỉ là rào cản tạm thời do nhu cầu đào tạo ở châu lục này đang trở nên ngày càng cao không thể đáp ứng được bởi các cơ sở giáo dục truyền thống buộc các quốc gia châu Á đang dần dần phải thừa nhận tiềm năng không thể chối cãi được mà E – Learning mang lại.

Nhật Bản là nước có ứng dụng E – Learning nhiều nhất so với các nước khác trong khu vực. Môi trường ứng dụng E – Learning chủ yếu là trong các công ti lớn, các hãng sản xuất, các doanh nghiệp... và dùng để đào tạo nhân viên.

- Số liệu thống kê trên E – Learning: Việc ứng dụng E – Learning đã tăng trưởng trong cả môi trường giáo dục lẫn môi trường doanh nghiệp. Có trên 1.000 trường đại học truyền thống vòng quanh thế giới đã đề nghị các khoá học trực tuyến vào cuối năm 1999. Phần lớn dữ liệu gần đây từ một hệ thống người cung cấp quản lí mức cao (WebCT) cho biết rằng sự làm việc với gần 2.500 trụ sở cơ quan trong 81 quốc gia (phần lớn ở Mĩ, Canada, UK và Australia). Việc này thay đổi từ trụ sở cơ quan trực tuyến

giống như trường đại học của Phoenix đến các trường đại học truyền thống bao gồm khối liên minh tháng 10/2002 giữa Stanford, Princeton, Yale và Oxford cung cấp các khoá học cho trường đại học hoặc cao đẳng của họ với Open Course Ware Initiative đã khởi đầu bằng MIT trong 4/2004.

4. Tình hình phát triển và ứng dụng E – Learning ở Việt Nam

- Vào khoảng năm 2002 trở về trước, các tài liệu nghiên cứu, tìm hiểu về E – Learning ở Việt Nam không nhiều. Trong 2 năm 2003 – 2004, việc nghiên cứu E – Learning ở Việt Nam đã được nhiều đơn vị quan tâm hơn. Gần đây các hội nghị, hội thảo về công nghệ thông tin và giáo dục đều có đề cập nhiều đến vấn đề E – Learning và khả năng áp dụng vào môi trường đào tạo ở Việt Nam như: hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2000, Hội nghị giáo dục đại học năm 2001, Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ nhất về nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT/RDA 2/2003, Hội thảo khoa học quốc gia lần II về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT/RDA 9/2004 và Hội thảo khoa học “Nghiên cứu và triển khai E – Learning” do Viện Công nghệ Thông tin (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Khoa Công nghệ thông tin (Đại học Bách Khoa Hà Nội) phối hợp tổ chức đầu tháng 3/2005 là hội thảo khoa học về E – Learning đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.
- Việt Nam đã gia nhập mạng E – Learning châu Á (Asia E – Learning Network – AEN, www.Asia-E-Learning.net) với sự tham gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học – Công nghệ, Trường Đại học Bách Khoa, Bộ Bưu chính Viễn thông...

Hiện nay E – Learning ở Việt Nam cũng đã có một vài website đào tạo trực tuyến (E – Learning) như:

- + <http://elearning.com.vn/> – của FPT.
- + <http://sara.com.vn/> website dạy kế toán trực tuyến.

Điều này cho thấy tình hình nghiên cứu và ứng dụng loại hình đào tạo này đang được quan tâm ở Việt Nam. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực, E – Learning ở Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn đầu còn nhiều việc phải làm mới tiến kịp các nước.

- + <http://www.gapschool.org>

- Chi phí dành cho E – Learning: Chi phí được gợi ý cho các trường đại học thay đổi đáng kể trên tỉ lệ và chất lượng của nội dung khoá học. Một nguồn tin cho biết rằng chi phí đầy đủ cho một trường đại học ảo (Virtual University) 2.000 sinh viên khoảng 15 triệu US\$. Riêng một khoá học giá khoảng 50.000US\$ đến 500.000US\$ cho các hệ thống tiên tiến. Ví dụ, một trường đại học truyền thống ước lượng rằng giá của khoá học từ 10.000US\$ đến 20.000US\$ không kể đầu tư ban đầu của các thiết bị phụ thuộc khoảng 500.000 US\$...

5. Lợi ích của E – Learning

- Tổng quan:
 - + E – Learning đem đến một môi trường đào tạo năng động hơn với chi phí thấp hơn.
 - + E – Learning uyển chuyển, nhanh và thuận lợi.
 - + E – Learning tiết kiệm thời gian, tài nguyên và mang lại kết quả tin cậy.
 - + E – Learning mang lại kiến thức cho bất kì ai cần đến.
- Những lợi ích then chốt của E – Learning:
 - + Đào tạo mọi lúc mọi nơi, truyền đạt kiến thức theo yêu cầu. Học viên có thể truy cập các khoá học từ bất kì nơi đâu như văn phòng làm việc, tại nhà, tại những điểm internet công cộng, 24 giờ một ngày, 7 ngày trong tuần. Đào tạo bất cứ lúc nào và bất cứ ai cũng có thể trở thành học viên.
 - + Tính linh động: Học viên có thể lựa chọn cách học và khoá học sao cho phù hợp với mình. Có thể học khoá học có sự hướng dẫn của giáo viên trực tuyến hoặc học các khoá học tự tương tác (interactive self – pace course) và có sự trợ giúp của thư viện trực tuyến.
 - + Tiết kiệm chi phí: Học viên không cần tốn nhiều thời gian và chi phí cho việc đi lại. Bất cứ lúc nào muốn học đều có thể học được mà không mất thời gian phải lên lớp cả ngày mà chỉ cần ngồi ở nhà hay trên xe bus cũng được. Học viên chỉ tốn chi phí cho việc đăng kí khoá học và cho internet.
 - + Tối ưu: Bạn có thể tự đánh giá khả năng của mình hoặc một nhóm để lập ra mô hình đào tạo sao cho phù hợp nhất với nhu cầu của mình.

- + **Đánh giá:** E – Learning cho phép các học viên tham gia các khoá học có thể theo dõi quá trình và kết quả học tập của mình. Ngoài ra, qua những bài kiểm tra giáo viên quản lí cũng dễ dàng đánh giá mức độ tiến triển trong quá trình học của các học viên trong khoá học.
- + **Sự đa dạng:** Hàng trăm khoá học chuyên sâu về kĩ năng thương mại, công nghệ thông tin... sẵn sàng phục vụ cho việc học.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Bài tập 1: Bạn hãy trả lời câu hỏi sau đây: E – Learning là môi trường học tập mà người học chỉ dựa vào hệ thống máy tính có nối mạng. Đúng hay sai?

Bài tập 2: Bạn hãy cho biết trong những yếu tố dưới đây yếu tố nào là ưu điểm của môi trường học tập E – Learning.

STT	Ưu điểm của môi trường E – Learning	Đúng	Sai
1	Khả năng lựa chọn cách học và khoá học linh động, phù hợp với từng cá nhân.		
2	Tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc đi lại.		
3	Khả năng quản lí học sinh, sinh viên khá dễ dàng.		
4	Tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả tin cậy.		
5	Mang lại tri thức cho bất kì ai cần.		
6	Đánh giá học sinh, sinh viên khách quan, công bằng hơn so với môi trường học tập truyền thống.		
7	Giảm bớt được những tiêu cực trong học tập.		

Hoạt động 3: Tìm hiểu về môi trường học tập thân thiện

NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ 1: Các nhóm tổ chức đọc tài liệu và nghiên cứu thông tin về hoạt động 3.

Nhiệm vụ 2: Các nhóm, thảo luận, ghi lại các ưu điểm, nhược điểm của môi trường học tập thân thiện ra giấy sau khi đã thống nhất ý kiến.

Nhiệm vụ 3: Đại diện các nhóm lên bảng trình bày các kết quả thảo luận của nhóm mình.

Nhiệm vụ 4: Các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá, bổ sung phần trình bày thảo luận của các nhóm đã lên bảng.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Trường học thân thiện là một mô hình trường học do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đề xướng, xây dựng và triển khai từ vài thập kỉ qua ở nhiều nước trên thế giới và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với UNICEF thí điểm xây dựng trường học thân thiện tại nhiều trường tiểu học, THCS và THPT.

1. Khái niệm về trường học thân thiện

- Trường học thân thiện, trước hết là nơi tiếp nhận tất cả trẻ em trong độ tuổi quy định, nhất là tiểu học, THCS là các cấp phổ cập, đến trường.
- Nhà trường phải tạo điều kiện để thực hiện bình đẳng về quyền học tập cho thanh, thiếu niên.
- Trường học thân thiện là trường học có chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục không ngừng được nâng cao.
- Các thầy, cô giáo phải thân thiện trong dạy học, thân thiện trong đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh; đánh giá công bằng, khách quan với lương tâm và trách nhiệm của nhà giáo.
- Các thầy, cô giáo trong quá trình dạy học phải thân thiện với mọi năng lực thực tế của mọi đối tượng học sinh để các em tự tin bước vào đời.
- Là trường học có môi trường sống lành mạnh, an toàn; là trường học có cơ sở vật chất đảm bảo các quyền tự nhiên thiết yếu con người: *đủ nước sạch, ánh sáng, phòng y tế, nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập...*

- Trường học thân thiện là trường tạo lập sự bình đẳng giới, xây dựng thái độ và giáo dục hành vi ứng xử tôn trọng bình đẳng nam – nữ; chú trọng giáo dục kĩ năng sống biết rèn luyện thân thể, biết tự bảo vệ sức khoẻ, biết sống khoẻ mạnh, an toàn.

2. Mục đích xây dựng trường học thân thiện

- Mục đích chủ yếu và ý nghĩa quan trọng nhất của việc xây dựng trường học thân thiện là tạo nên một môi trường giáo dục (cả về vật chất lẫn tinh thần) an toàn, bình đẳng; tạo hứng thú cho học sinh trong học tập; góp phần đảm bảo quyền được đi học và học hết cấp của học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục trên cơ sở tập trung mọi nỗ lực của nhà trường vì người học, với các mối quan tâm thể hiện thái độ thân thiện và tinh thần dân chủ.
- Trường học thân thiện gắn bó chặt chẽ với việc phát huy tính tích cực của học sinh. Trong môi trường trường học thân thiện, trẻ em sẽ cảm nhận được sự thoải mái khi việc học của mình vừa gắn với kiến thức trong sách vở, vừa thông qua sự thâm nhập, trải nghiệm của chính bản thân trong các hoạt động ngoại khoá, trong các trò chơi dân gian, các hoạt động tập thể vui mà học. Như thế, mỗi ngày trẻ em đến trường là một ngày vui. Với môi trường phát triển toàn diện đó, học sinh học tập hứng thú, chủ động tìm hiểu kiến thức dưới sự điều dắt của người thầy, gắn chặt giữa học và hành, biết thu giãn khoa học, rèn luyện kĩ năng và phương pháp học tập, trong đó những yếu tố hết sức quan trọng là khả năng tự tìm hiểu, khám phá, sáng tạo.

3. Nội dung xây dựng trường học thân thiện

- * Xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn:
 - Trọng tâm là giải quyết dứt điểm những yếu kém về cơ sở vật chất để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện.
 - Giáo dục học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản tài sản lớp học, trường học, sạch đẹp như ở nhà của mình.
 - Xây dựng nếp sống vệ trường lớp hàng tuần; thực hiện bảng trang trí lớp có kiểm tra đánh giá khen thưởng,
- * Dạy và học có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh, giúp các em tự tin trong học tập:

- Trọng tâm là phát huy vai trò chủ động, đổi mới, sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy và giáo dục học sinh; lấy chất lượng, kết quả dạy và học làm thước đo hàng đầu trong hoạt động nhà trường.
- Việc giảng dạy của giáo viên được đổi mới theo chiều hướng lấy học sinh làm trung tâm. Học sinh được động viên khuyến khích đề xuất sáng kiến, suy nghĩ sáng tạo, nỗ lực tự giác, tự học, tự đề ra kế hoạch học tập, cải tiến phương pháp học tập.
- * Rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh:
 - Trọng tâm là rèn luyện kĩ năng ứng xử thân thiện trong mọi tình huống, ý thức tự bảo vệ bản thân, có thái độ lên án và kiên quyết bài trừ mọi hành vi bạo lực. Song song với việc hình thành kĩ năng hoạt động nhóm, thói quen rèn luyện sức khỏe và các nội dung giáo dục về nhiệm vụ của học sinh.
 - Cùng với bộ môn Giáo dục công dân, mọi thành viên – tổ chức trong hội đồng sư phạm phải có nhiệm vụ giáo dục – rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh.
- * Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh:
 - Trọng tâm là tăng cường giáo dục các giá trị văn hoá dân tộc, lịch sử, truyền thống cách mạng cho học sinh.
 - Tổ chức các hoạt động văn – thể – mỹ trong nhà trường có chất lượng cao, thu hút đa số học sinh tham gia.
 - Chú trọng đến các hình thức sinh hoạt tập thể tại đơn vị lớp.
- * Giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa dân tộc:
 - Phối hợp tổ chức các hoạt động tham quan, học tập, tuyên truyền giới thiệu về lịch sử đấu tranh cách mạng.
 - Giáo dục học sinh nỗ lực học tập, rèn luyện, trau dồi đạo đức để xây dựng địa phương văn minh, hiện đại.
 - Đoàn Thanh niên Cộng sản, Đội Thiếu niên Tiền phong tăng cường công tác giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua các hoạt động phong trào tại trường học.
 - Đăng kí chăm sóc một di tích lịch sử, văn hoá.

4. Các thành tố cơ bản của môi trường học tập thân thiện

4.1. Môi trường cơ sở vật chất

Trong lớp học	Ngoài lớp học
<ul style="list-style-type: none"> - Đủ sách vở, tài liệu, đồ dùng dạy học. - Bàn, ghế, bảng phù hợp để di chuyển. - Sắp xếp chỗ ngồi hợp lí. - Đảm bảo ánh sáng (điện), thoáng mát (quạt). - Nền phòng học đảm bảo sự an toàn. - Có thùng đựng rác. - Có tủ để đựng dụng cụ và cặp sách học sinh. - Không gian lớp học sử dụng hợp lí và phù hợp với từng môn học. - Tường được trang trí bằng tranh ảnh, kiến thức cần nhớ; trưng bày các sản phẩm của học sinh... và được thay đổi theo thời gian (tuần hoặc tháng...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân trường có bóng mát. - Sân chơi an toàn (không gồ ghề, bụi bặm, hố sâu, lầy lội...). - Có khu vực dành cho các hoạt động tập thể, hoạt động sao (nhà đa năng). - Khu vệ sinh sạch sẽ thân thiện. - Có bồn nước rửa tay (có xà bông). - Đường đi sạch sẽ, an toàn, thuận tiện cho cả học sinh khuyết tật. - Có phòng y tế (có đủ thuốc). - Có thư viện, phòng đọc sách. - Có phòng đồ dùng dạy học. ...

* Ý nghĩa của việc sử dụng hiệu quả không gian học tập:

- Mở rộng không gian học tập không bó hẹp trong khuôn khổ của phòng học, học sinh cảm thấy “thoải mái” trong học tập.
- Học sinh được trải nghiệm, gắn lí thuyết với thực hành.
- Học sinh rút ra những bài học quý về sự sẻ chia, tình đoàn kết, tinh thần giúp đỡ lẫn nhau...
- Phát triển các giác quan của trẻ: quan sát, lắng nghe, cảm nhận...

4.2. Môi trường tâm lí

Môi trường	Người dạy	Người học
- Thoải mái, an toàn.	- Thoải mái, an toàn.	- Được yêu thương, được

Môi trường	Người dạy	Người học
<ul style="list-style-type: none"> - Thân thiện nhằm kích thích việc học tập tích cực của học sinh. - Tạo môi trường học tập gây hứng thú cho học sinh. - Mối quan hệ tình cảm, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa giáo viên với học sinh, học sinh với học sinh, nhà trường với các lực lượng giáo dục ngoài xã hội hướng tới vì lợi ích tốt nhất của trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thân thiện, có nhân cách và lối sống lành mạnh. - Năng lực chuyên môn tốt. - Có đủ phương pháp và kĩ năng sư phạm. - Giao tiếp tốt, giọng nói hấp dẫn. - Luôn khuyến khích và động viên học sinh. - Được học sinh tin yêu, quý mến. - Linh hoạt sử dụng các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học trong các môn học. - Biết điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng và sự nhận thức của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> tôn trọng, được đối xử công bằng. - Được động viên, khuyến khích. - Được khuyến khích suy nghĩ và động viên phát biểu. - Được hợp tác với các bạn. - Hứng thú học tập. - Có trách nhiệm với việc học của mình. - Tôn trọng giáo viên.

4.3. Chương trình giáo dục

- Chương trình phải mang tính mở, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của học sinh.
- Nội dung phù hợp với nhận thức, nhu cầu và hứng thú của học sinh. Gắn liền với kinh nghiệm và khả năng của học sinh.
- Phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học.
- + Phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm.
- + Các kĩ thuật dạy học phải phát huy tính tích cực của học sinh.
- + Hình thức dạy học đa dạng.

5. Xây dựng trường học thân thiện ở các trường phổ thông

5.1. Môi trường học tập thân thiện

Dạy và học là hai hoạt động chính trong các trường phổ thông nhưng môi trường học tập của đa số lớp học hiện nay thật đơn điệu và kém hấp dẫn. Trang bị trong một lớp học phổ biến hiện nay thường chỉ có bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bục giảng, bảng đen, giá để mũ nón những câu khẩu hiệu như “Thi đua dạy tốt, học tốt”, “Tiên học lễ, hậu học văn”... Học sinh phải ngồi trong lớp học từ 4 đến 5 giờ/ngày nên rất dễ sinh nhàm chán. Học sinh cần được khuyến khích tự tạo ra môi trường học tập trong lớp theo sở thích các em nên để học sinh tự trang trí bằng tranh ảnh hay các vật trang trí khác để lớp học thật gần gũi và ấm cúng như là góc họp tập ở nhà của các em để tạo thêm hứng thú học tập. Hãy để các em tự nêu ra khẩu hiệu học tập và rèn luyện cho chính mình. Trang bị các phương tiện nghe nhìn hiện đại phục vụ cho việc dạy và học là cần thiết, vì nó hỗ trợ cho hoạt động dạy và học nhưng đó chưa phải là yếu tố quyết định giúp tạo ra một môi trường học tập thân thiện. Kiến trúc của toàn bộ trường học cũng cần được thiết kế phù hợp với lứa tuổi và tâm sinh lý học sinh. Cảnh quan và môi trường trong trường cũng cần được quan tâm khi thiết kế để tạo một môi trường thân thiện và an toàn cho học sinh khi ra chơi và các hoạt động ngoài trời. Các cơ sở phục vụ cho học tập như thư viện, phòng thí nghiệm, căng tin, nhà tập thể dục và chơi thể thao, các loại hình câu lạc bộ theo sở thích cũng cần được đầu tư trang bị hiện đại, đầy đủ và phù hợp để học sinh có thể thường xuyên đến vui chơi, học tập ngoài giờ. Một trường học thân thiện không chỉ cần có hệ thống nhà vệ sinh hợp vệ sinh mà còn cần hệ thống các nhà tắm và phòng để đồ dùng cá nhân và nơi thay quần áo cũng phải an toàn, kín đáo và tiện lợi cho học sinh. Khi học môn Thể dục và chơi thể thao ngoài giờ, học sinh rất cần nơi để thay trang phục và đồ dùng riêng. Sau khi chơi thể thao hay các hoạt động vận động, nhiều em bị bẩn và ra mồ hôi nhiều nhưng vẫn phải mặc quần áo bẩn về nhà, gây khó chịu và mất vệ sinh. Do đó, các em cần được tắm và thay quần áo sạch ngay ở trường trước khi về nhà.

5.2. Phương pháp dạy học thân thiện

Phương pháp giảng dạy phổ biến ở phổ thông hiện nay vẫn theo hướng “Lấy người dạy là trung tâm” (Teacher – centered) với quan niệm giáo viên là người truyền đạt kiến thức và học sinh là người tiếp thu kiến thức. Kiến thức từ sách giáo khoa được giáo viên “độc quyền” truyền đạt cho học sinh. Kiến thức của các em phụ thuộc vào kiến thức của thầy và học sinh luôn là người lĩnh hội tri thức thụ động. Phương pháp dạy học này đã dẫn đến lối dạy “thầy đọc – trò chép” và lối học “thuộc lòng những gì thầy đọc cho chép”. Đây là phương pháp dạy học mang lại sự nhàm chán cho người học vì nó đã tạo nên thói quen thụ động, trông chờ và tạo nên sức ỳ của học sinh trong tiếp thu kiến thức ảnh hưởng nhiều đến tính năng động, sáng tạo trong cuộc sống của học sinh.

Phương pháp dạy học theo hướng “lấy người học làm trung tâm” (Learner – centered) thực sự là phương pháp dạy học “thân thiện” với người học vì giáo viên ở chỉ là người tổ chức và trợ giúp hoạt động tiếp thu kiến thức cho học sinh. Giáo viên chỉ đóng vai trò là người gợi mở và bổ sung thêm những điều học sinh chưa biết, chưa rõ và hiểu chưa đúng mà thôi. Học sinh thực sự là nhân vật trung tâm trên lớp học. Các em có thể lựa chọn kiến thức và phương pháp học phù hợp với mình. Giáo viên là người nêu vấn đề và cùng học sinh tranh luận cho tới khi học sinh hiểu thấu đáo vấn đề đó. Học sinh có thể được giáo viên giao cho các bài tập làm chung theo nhóm để các em có cơ hội cùng nhau chia sẻ và đóng góp kiến thức của cá nhân mình cho nhóm. Giáo viên cũng có thể nêu trước vấn đề và cho học sinh về nhà tự nghiên cứu từ sách giáo khoa và sách tham khảo khác về vấn đề đó để đến buổi học trên lớp sau đó học sinh thảo luận và tranh luận với nhau theo cặp và nhóm. Tranh luận sẽ giúp các em hiểu sâu hơn và nhớ nhanh hơn vì các em được tiếp thu kiến thức một cách chủ động, thoải mái. Phương pháp dạy học này đã tạo nên nhu cầu tự học, tự nghiên cứu bên ngoài lớp học và rèn luyện cho người học thói quen đào sâu suy nghĩ về vấn đề nào đó. Dần dần, học sinh sẽ hình thành thói quen suy nghĩ một cách chủ động, độc lập sáng tạo và biết chia sẻ những suy nghĩ của mình với người khác.

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá thân thiện

Với việc đánh giá kết quả học tập học sinh theo các mức (khá, giỏi, trung bình, yếu, kém) thông qua tổng kết nhiều loại bài kiểm tra như: bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết, 2 tiết, bài kiểm tra học kì và cuối năm hiện hành ở các trường phổ thông hiện nay đã tạo nên quá nhiều sức ép đối với người học, đặc biệt là đối với những học sinh yếu, kém. Từ đó, sẽ tạo tâm lý mặc cảm, xấu hổ với kết quả kém và có thái độ ganh ghét, đố kỵ với những học sinh có điểm kiểm tra cao hơn. Điều này đã làm xấu đi mối quan hệ giữa nhiều học sinh trong lớp với nhau. Để có phương pháp kiểm tra thân thiện hơn mà vẫn đánh giá đúng học lực và khuyến khích học sinh tự vươn lên trong học tập, chúng ta cần phân biệt hai loại hình kiểm tra: kiểm tra đánh giá sự tiến bộ và kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Các bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết hay 2 tiết trong một học kì chỉ nên mang tính chất đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Kết quả các bài kiểm tra đó là điều kiện để học sinh thi học kì và cuối năm. Điểm số và những nhận xét chi tiết, cụ thể về sự tiến bộ học sinh, những phần kiến thức còn yếu và cách thức khắc phục cần thông báo riêng tới từng học sinh thông qua thư riêng hay qua thư điện tử cho phụ huynh và học sinh biết để tránh sự mặc cảm, xấu hổ cho học sinh với các học sinh khác. Chỉ một mình học sinh đó biết mình nắm được cái gì, còn thiếu cái gì để có hướng phấn đấu và tự ganh đua với chính mình để kết quả cuối năm tốt hơn. Loại hình kiểm tra thứ hai là kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện cuối kì và cuối năm để đánh giá kết quả sau quá trình học tập sau một học kì, một năm hay cả khoá học. Kết quả cần được thông báo riêng cho học sinh và ghi vào học bạ học sinh và chỉ nên công khai khi học sinh đó tốt nghiệp, kết thúc khoá học.

Để khuyến khích học sinh tham gia tích cực các hoạt động nhóm trong và ngoài lớp học, cần có phần chấm điểm cho hoạt động nhóm của từng học sinh. Điểm môn học nên chiếm 70% và điểm hoạt động nhóm nên chiếm 30% tổng điểm tổng kết cuối kì của môn học đó. Điểm này nên để mỗi học sinh cho điểm các thành viên khác trong nhóm và gửi kín cho giáo viên để tính điểm trung bình chung.

5.4. Các mối quan hệ thân thiện

Phương pháp dạy theo hướng “Lấy người dạy là trung tâm” (Teacher – centered) hiện nay đã ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ thầy – trò. Nhiều giáo viên vẫn duy trì quan niệm rằng thầy là “người trên” và học sinh là “người dưới” nên dẫn đến sự xa cách trong quan hệ thầy – trò. Học sinh rất ít khi dám tranh luận với giáo viên vì sợ giáo viên phật ý. Ngược lại các giáo viên cũng ít khi dám thừa nhận mình sai hay nhầm lẫn vì sợ học sinh đánh giá. Do đó, giáo viên thường có thái độ áp đặt và chú quan với học sinh. Các giáo viên hiện nay rất khó có thể trở thành người bạn tin cậy để học sinh có thể chia sẻ mọi vấn đề vì giữa họ với học sinh luôn có khoảng cách về tuổi tác và tri thức. Việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng “lấy người học làm trung tâm” (learner – centered) giúp giáo viên có được mối quan hệ thân thiện với học sinh vì học sinh được xem là nhân vật trung tâm của quá trình giáo dục. Các em được tôn trọng và được tự do bày tỏ ý kiến cá nhân. Mối quan hệ thầy trò sẽ gần gũi, thoải mái hơn. Giáo viên cần học cách lắng nghe ý kiến của học sinh, biết chấp nhận những ý kiến “đổi lập” và cũng có thể hoàn thiện kiến thức thêm nhờ tranh luận với học sinh. Giáo viên có thể lấy ý kiến đánh giá của học sinh thông qua các phiếu điều tra không ghi tên để không ngừng tự hoàn thiện mình.

Phương pháp dạy học theo hướng “lấy người học làm trung tâm” nhấn mạnh vào việc tự học, tự nghiên cứu của cá nhân với các hoạt động học tập theo nhóm trong và ngoài giờ học. Mối quan hệ giữa các học sinh với nhau không chỉ là sự kết bạn cùng sở thích riêng như hiện nay mà còn là mối quan hệ chia sẻ kiến thức trong nhóm khi thảo luận trên lớp và các hoạt động theo nhóm ngoài lớp học, khi cùng làm một bài tập sưu tầm hay nghiên cứu nhỏ ngoài lớp học. Mối quan hệ giữa học sinh sẽ thân thiện hơn, gần gũi hơn do các em tham gia các hoạt động không chỉ vui chơi giải trí mà còn học tập, chia sẻ công việc và tri thức cùng với nhau. Ngoài ra, các mối quan hệ giữa học sinh với các nhân viên phục vụ trong trường cũng cần phải thân thiện. Họ cần phải biết cách tôn trọng học sinh và chất lượng phục vụ cần được thường xuyên đánh giá thông qua các phiếu điều tra định kì phát cho học sinh. Để có một “Ngôi trường thân thiện” thực sự nếu như chỉ chú trọng đưa vào các hoạt động vui chơi,

các trò chơi dân gian, tìm hiểu và chăm sóc di tích lịch sử hay các hoạt động ngoại khoá khác thì chưa đầy đủ. Vì đó mới là những hoạt động hỗ trợ cho nhiệm vụ chính là học tập của các em. Vấn đề quan trọng nhất mà các em cần là môi trường học tập thân thiện, phương pháp học tập và phương pháp dạy học thân thiện, các mối quan hệ thân thiện và những sự phục vụ thân thiện của nhà trường. Có như vậy, các em mới thấy thật sự thoải mái và yêu mến trường như ngôi nhà của mình. Mỗi khi xa trường các em chỉ mong chóng trở lại trường. Học sinh sẽ gắn bó với trường học và mỗi ngày đến trường mới thực sự là một ngày vui của các em.

Với cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, các thế hệ học sinh sẽ năng động hơn, tích cực hơn dưới sự dạy dỗ của các thầy cô giáo được học tập trong môi trường trường học thân thiện sẽ là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Bài tập 1: Theo bạn, những đặc điểm nào dưới đây đúng với tính chất của trường học thân thiện?

STT	Đặc điểm	Đúng	Sai
1	Trường học thân thiện là trường học mà ở đó có mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, cơ quan đoàn thể và với tập thể học sinh.		
2	Trường học thân thiện là môi trường học tập lành mạnh, an toàn; có sự bình đẳng, thân thiện giữa giáo viên học sinh trong hoạt động học tập.		
3	Mục đích xây dựng trường học thân thiện là do các trường học hiện nay giáo viên thiếu thân thiện với học sinh.		

STT	Đặc điểm	Đúng	Sai
4	Nội dung phù hợp với nhận thức, nhu cầu và hứng thú của học sinh; gắn liền với kinh nghiệm và khả năng của học sinh.		
5	Phương pháp dạy học lấy giáo viên làm trung tâm.		
6	Các kĩ thuật dạy học phải phát huy tính tích cực của học sinh.		
7	Trường học thân thiện không quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan mà chỉ tập trung vào mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên và học sinh.		

Bài tập 2: Bạn hãy viết những suy nghĩ của mình để đánh giá thực tiễn về trường học mà bạn đang dạy đã đảm bảo các tiêu chí về trường học thân thiện hay chưa.

Nội dung 2

ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP ĐẾN HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH THPT

Hoạt động: Tìm hiểu ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của học sinh THPT

NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ 1: Chia nhóm tổ chức thảo luận về ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của học sinh THPT.

Nhiệm vụ 2: Các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

Nhiệm vụ 3: Các nhóm khác nhận xét chéo và bổ sung cho hoàn thiện bài làm của từng nhóm.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Ảnh hưởng của môi trường cơ sở vật chất đến hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông

- Môi trường cơ sở vật chất trước hết giúp đảm bảo sức khỏe của giáo viên và học sinh THPT trong hoạt động học tập. Cơ sở vật chất, cảnh quan, trang thiết bị... của nhà trường đầy đủ giúp cho giáo viên và học sinh đảm sức khỏe để vượt qua những khó khăn, trở ngại trong học tập.
- Cơ sở vật chất, cảnh quan của nhà trường cùng với những điều kiện ăn ở, trang thiết bị dạy và học là yếu tố bên ngoài của cả người dạy và người học. Nó có tác động mạnh đến cảm xúc, hình thành ấn tượng và niềm tự hào đối với học sinh THPT. Được học tập trong một môi trường có cơ sở vật chất tốt sẽ giúp các em có tình yêu đối với mái trường, thầy cô; tự hào về mái trường của mình; có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường. Đồng thời các em sẽ cố gắng phấn đấu học tập, rèn luyện sao cho xứng đáng với mỏ hôi, công sức của biết bao thế hệ thầy cô, anh chị khóa trước đã xây dựng, vun đắp. Điều kiện học tập tốt sẽ tạo niềm tin, tạo ra sự hưng phấn tích cực, đồng thời cũng làm hạn chế những thói quen xấu

của các em. Ngược lại, khi học tập, rèn luyện trong môi trường học tập bị hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, học sinh sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trong học tập. Có thể tạo ra ở một bộ phận học sinh sự nản chí, chán ghét việc học tập.

- Các hoạt động ngoài giờ lên lớp như văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao là hoạt động bổ trợ vô cùng quan trọng trong các nhà trường phổ thông. Thông qua các hoạt động này, học sinh THPT rèn luyện cho mình sức khoẻ, trau dồi cho mình rất nhiều phẩm chất quý báu trong nhân cách như: tinh thần đoàn kết; ý chí kiên trì, bền bỉ, khắc phục khó khăn; ý thức tổ chức kỉ luật... Đồng thời, qua hoạt động này cũng giúp cho các em thư giãn, giảm stress... sau những giờ học căng thẳng, mệt mỏi ở nhà trường. Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao cũng giúp học sinh THPT mở rộng mối quan hệ hợp tác, giao lưu với bạn bè trong và ngoài trường. Những hoạt động này giúp cho các phẩm chất nhân cách của các em dần được hoàn thiện. Thông qua các hoạt động này, tính chủ động, tích cực của học sinh THPT thể hiện rõ nét từ khâu tổ chức, tham gia đến khâu xây dựng nội dung và phương thức biểu hiện. Môi trường xã hội hiện nay rất phức tạp và các yếu tố xấu tác động mạnh đến học sinh, do đó đẩy mạnh các hoạt động trên đây sẽ góp phần làm giảm bớt các tệ nạn xã hội đang có xu hướng xâm lấn vào các trường.
- Môi trường cơ sở vật chất thuận lợi cũng giúp giáo viên, học sinh dễ dàng tìm kiếm, tra cứu thông tin phục vụ hoạt động học tập. Thực tiễn và lí luận giáo dục đều cho thấy giáo dục phải luôn đi trước sự phát triển và kéo theo sự phát triển. Ngày nay, lượng thông tin mỗi ngày đều rất lớn, nếu trong hoạt động học tập giáo viên và học sinh không có sự cập nhật tri thức thường xuyên thì sẽ dẫn tới sự trì trệ, lạc hậu so với sự phát triển.
- Môi trường cơ sở vật chất thuận lợi giúp cho người giáo viên THPT dễ dàng ứng dụng khoa học kĩ thuật, công nghệ thông tin vào việc tổ chức hoạt động dạy học. Từ môi trường này, giáo viên có thể thay đổi các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để việc học tập sinh động, hấp dẫn, khoa học hơn. Từ đó, giúp cho học sinh tiếp thu bài hiệu quả; hình thành ở các em niềm yêu mến môn học, nâng cao chất lượng học tập.

2. Ảnh hưởng của môi trường tâm lý đến hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông

Hiện nay, chất lượng cuộc sống ở nước ta đã và đang từng bước được nâng lên đáng kể. Xã hội ngày càng phát triển, con người không chỉ dừng lại ở việc quan tâm đến nhu cầu vật chất mà song hành với nó là sự phát triển và quan tâm tới những nhu cầu tinh thần. Trong hoạt động học tập ở trường phổ thông, môi trường tâm lý hiện đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm rất nhiều qua cuộc vận động lớn “trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Môi trường này ảnh hưởng đến hoạt động học tập của học sinh THPT ở các khía cạnh sau:

- Môi trường tâm lý thuận lợi sẽ tạo ra hứng thú nghề nghiệp đối với nghề giáo viên. Mỗi ngành nghề đều đòi hỏi con người có những phẩm chất đặc trưng. Trong nghề giáo viên, sự tâm huyết, tận tụy với nghề nghiệp, tình yêu nghề mền trẻ là yếu tố rất quan trọng giúp cho người giáo viên “tiếp lửa”, “truyền cảm hứng” cho học sinh để mỗi giờ học được thăng hoa, thành công hơn. Ngược lại, nếu như không có tình cảm đối với nghề nghiệp, người giáo viên chỉ làm việc một cách đối phó, làm việc “lấy lương”, khó tạo được hiệu quả trong công việc. Giờ học chỉ thành công khi có sự cộng hưởng học tập của cả giáo viên và học sinh.
- Môi trường tâm lý thuận lợi là động lực khuyến khích giáo viên THPT học tập không ngừng để hoàn thiện tri thức, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với đối tượng học sinh của mình giảng dạy, để nâng cao chất lượng học tập.
- Môi trường tâm lý thuận lợi sẽ tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, làm hạn chế những tiêu cực trong học tập ảnh hưởng đến học sinh. Từ đó, người giáo viên THPT trở thành mẫu mực, là tấm gương để học sinh noi theo. Kinh nghiệm giáo dục của nhân dân đã chỉ ra quy luật quan trọng rằng: Thế hệ chúng ta sống và cư xử với nhau như thế nào thì thế hệ đi sau sẽ học tập để sống và cư xử theo đó. Môi trường sư phạm, trước hết phải là môi trường mô phạm, đạt tới các chuẩn mực, yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Công bằng, khách quan trong học tập và đánh giá học tập, sẽ tạo ra được niềm tin của học sinh với giáo viên. Từ đó, giúp nâng cao vị thế của ngành Giáo dục, giúp cho công tác tuyển sinh, đào tạo giáo viên sư phạm ngày càng được nâng cao hơn.

- Môi trường tâm lý thuận lợi tạo ra bầu không khí tâm lý thân thiện, đoàn kết giữa tập thể giáo viên trong nhà trường và giữa tập thể giáo viên với học sinh. Điều này, tạo ra sức mạnh tập thể cho nhà trường đồng thời, tạo ra “môi trường học tập thân thiện”. Đây cũng là phong trào mà Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động và đẩy mạnh tại các trường phổ thông hiện nay. Môi trường học tập này giúp cho học sinh THPT dễ dàng giải quyết bế tắc trong học tập, khắc phục những hạn chế trong học tập của bản thân, yêu mến môn học, thầy cô giáo và mái trường hơn. Từ đó, học sinh sẽ quyết tâm phấn đấu học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

3. Ảnh hưởng của môi trường trí tuệ đến hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông

- Người giáo viên luôn là tấm gương để học sinh noi theo. Chúng ta đều biết rằng: “thầy giỏi ắt có trò giỏi”. Trong hoạt động học tập, nếu như học sinh THPT được tiếp xúc với những thầy cô giỏi về chuyên môn nghiệp vụ sẽ giúp cho mọi đối tượng học sinh tiếp thu bài hiệu quả hơn, khắc phục được những khó khăn trong học tập mà học sinh gặp phải đồng thời tạo ra ở học sinh niềm tin yêu, kính trọng đối với giáo viên, giúp cho các em cố gắng phấn đấu theo những hình mẫu, tấm gương mình đã được học tập.
- Môi trường trí tuệ tốt sẽ kích thích học sinh THPT phát triển cao nhất tiềm năng trí tuệ của bản thân mình để tiếp thu kho tàng tri thức nhân loại. Đối với học sinh THPT, tri thức luôn là hành trang quan trọng để các em chuẩn bị cho một môi trường học tập và làm việc mới. Việc tiếp thu tốt những tri thức cơ bản ở phổ thông là tiền đề học sinh THPT có bước phát triển ở những bậc học cao hơn.
- Môi trường học tập của học sinh THPT có sự tham gia của nhiều nhân tố, trong đó thành tố cơ bản quyết định chất lượng giáo dục là khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên và năng lực lĩnh hội bài của học sinh. Năng lực giảng dạy, kĩ năng giao tiếp, phương pháp dạy học của giáo viên... có tác động mạnh mẽ đến tâm lý học sinh. Khi giảng bài, giáo viên được học sinh hưởng ứng, ủng hộ có nghĩa là giáo viên đang ảnh hưởng tích cực đến môi trường học tập của học sinh. Năng lực sư phạm, trình độ chuyên môn của giáo viên, quan hệ ứng xử của giáo viên đối với học sinh là yếu tố quyết định chất lượng dạy học.
- Năng lực, trình độ của người dạy cũng khó phát huy tác dụng nếu như năng lực học tập của người học hạn chế. Tất cả các hoạt động trong nhà trường đều nhằm mục đích phát triển người học. Người học được coi là

yếu tố trung tâm trong nhà trường. Việc xây dựng môi trường học tập cho học sinh THPT cũng phải dựa vào học sinh và hoạt động của học sinh để khai thác mặt giá trị và cảm xúc trong học tập và giao tiếp. Vì vậy, cần thiết phải tạo ra môi trường học tập tự giác, tích cực, chủ động của học sinh trong lớp học nhằm góp phần nâng cao kết quả học tập.

4. Ảnh hưởng của môi trường xã hội đến hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông

Hiện nay, hoạt động học tập của học sinh THPT không chỉ thực hiện ở trên lớp với sự hướng dẫn của giáo viên mà hoạt động này còn diễn ra ở ngoài cuộc sống với sự tiếp thu, lĩnh hội tri thức, thông tin từ các môi trường gia đình, xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng (sách báo, đài, tivi, internet...). Những tri thức được tiếp thu từ môi trường xã hội này đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động học tập của học sinh THPT.

- Môi trường xã hội có phổ rất rộng, bao gồm từ môi trường rất cụ thể, ổn định và gắn gũi với học sinh như gia đình, nhóm bạn cùng xóm phố, lớp học, trường học... đến các môi trường linh hoạt, cơ động, rộng lớn hơn như các phương tiện thông tin đại chúng (đài, tivi, internet...), các tổ chức xã hội trực tiếp và gián tiếp tác động tới hoạt động học tập của học sinh THPT. Do đó, hàng loạt các vấn đề nảy sinh trong môi trường này như: giới và bình đẳng giới trong giáo dục; định kiến dân tộc (ít người và đa số); sắc tộc (sự kì thị và xung đột giữa các tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán của từng nhóm dân tộc khác nhau); Tầng lớp xã hội (vấn đề giàu – nghèo) và đối xử cá nhân (học sinh vâng lời và hiếu động; trẻ em khuyết tật, thông minh, xinh xắn và xấu xí...), những vấn đề này ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động học tập của học sinh THPT.
- Môi trường xã hội là nơi học sinh THPT có thể gắn lí thuyết với thực hành, gắn lí thuyết ở nhà trường với thực tiễn xã hội. V.I. Lênin từng nói: “Lí luận mà không có thực tiễn là lí luận suông, thực tiễn mà không có lí luận soi đường là thực tiễn mù quáng”. Thông qua môi trường xã hội, học sinh THPT được kiểm nghiệm, ứng dụng những chân lí mình đã học được ở nhà trường vào thực tế cuộc sống. Ngược lại, những tri thức học sinh THPT học tập được ở môi trường xã hội sẽ góp phần bổ trợ hữu ích cho quá trình học tập ở nhà trường. Hiện nay, đất nước ta đang có sự phát triển và hội nhập với quốc tế. Điều này làm cho văn hoá Việt Nam có sự giao thoa giữa những giá trị văn hoá truyền thống của người Việt và văn hoá từ các nước phương Tây. Do vậy, môi trường xã hội mà học sinh

THPT tiếp xúc bên cạnh những mặt tích cực còn ẩn chứa nhiều yếu tố tiêu cực. Các yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của học sinh THPT tại các nhà trường. Do đó, giáo dục nhà trường cần giúp các em tiếp thu những yếu tố tích cực, hạn chế ảnh hưởng của những yếu tố tiêu cực, tạo ra sự thành công trong học tập.

- Môi trường xã hội là nói đến những mối quan hệ, những tương tác xảy ra giữa các chủ thể hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Môi trường xã hội tạo nên bầu không khí tâm lý trong tập thể lớp và tạo điều kiện hỗ trợ cho các tương tác giữa người học với nhiệm vụ học tập. Môi trường xã hội trong lớp học bao gồm những mối quan hệ tương hỗ giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với các bạn cùng học và những người khác như: cha mẹ học sinh, các cán bộ chuyên môn, các nhà khoa học tham gia vào quá trình dạy học. Tương tác giữa người dạy với người học và tương tác qua lại giữa người học với nhau là hai thành phần chủ yếu trong môi trường xã hội của lớp học. Trong hai thành phần đó, tương tác giữa giáo viên với học sinh được xem là tâm điểm của quá trình giáo dục. Giáo viên tác động đến học sinh thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập. Học sinh tương tác với các nhiệm vụ học tập để lĩnh hội những tri thức, kinh nghiệm, những giá trị giáo dục xác định và tác động trở lại giáo viên thông qua quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Tương tác qua lại giữa học sinh với học sinh là một bộ phận quan trọng trong môi trường xã hội của lớp học. Tương tác này được gọi là tương tác đồng đẳng (bạn học) giữa các học sinh trong quá trình dạy học. Do vậy, môi trường xã hội thuận lợi sẽ là điều kiện giúp cho học sinh THPT có được sự tương hỗ quan trọng giữa các lực lượng xã hội tham gia giáo dục, là cơ sở để nhà trường phối hợp và thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục ở các môi trường khác nhau: gia đình – nhà trường – xã hội.

Môi trường xã hội hỗ trợ cho môi trường trí tuệ, môi trường tâm lý giúp gắn lý luận với thực tiễn, nhà trường với thực tiễn xã hội. Từ đây, giúp cho người giáo viên điều chỉnh phương pháp, cách thức giảng dạy sao cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo phương châm “sát đối tượng” trong giáo dục.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Trình bày ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của bản thân. Theo các bạn, để tạo ra môi trường học tập tốt hơn thì giáo viên và học sinh phải làm gì?



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tất Dong, *Động cơ và chất lượng học tập của học sinh*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 1/1991.
2. Đặng Thành Hưng, *Kĩ thuật thiết kế bài học theo nguyên tắc hoạt động*, Tạp chí Giáo dục, số 10/2004.
3. Đặng Thành Hưng, *Thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập*, Tạp chí Giáo dục, số 2/2005.
4. Geoffrey Petty, *Hướng dẫn thực hành: dạy và học ngày nay*, Dự án Việt – Bỉ đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, 2003.
5. Trần Đức Minh, *Xây dựng môi trường sư phạm trong trường cao đẳng sư phạm, nhận thức và hành động thực tiễn*, Tạp chí Giáo dục, số 116-6/2005.
6. Vũ Thị Sơn, *Môi trường học tập trong lớp học*, Tạp chí Giáo dục, số 102/2004.
7. Phạm Hồng Quang, *Môi trường giáo dục*, NXB Giáo dục, 2006.